TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-DS ngày 27/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công Ty Cổ Phần S**. Địa chỉ: số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Anh H**. Địa chỉ: Số D, đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN, đề ngày 01/10/2023) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Thạch T**. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/8/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H trình bày :

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty Cổ Phần S (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản.

Vào ngày 03/01/2023, ông Thạch T có đến chi Sóc Trăng của Công ty tại địa chỉ: Số D, L, Phường C, Thành Phố S, tỉnh Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM230101001NA22X được ký giữa các bên ngày 03/01/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1485660959 theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/.

Thì ông Thạch T có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

+ 01 xe môtô hai bánh BKS 83G1-096.58

+ Loại xe HONDA WAVE ALPHA màu: XANH ĐEN BẠC

+ Số khung RLHJA3927NY110091 - số máy JA39E2607023

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 83 007176 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/04/2022. Để lấy số tiền là 9.900.000 đồng (Chín triệu chín trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 03/01/2023 - 03/01/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Thạch T. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Thạch T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 03/01/2023 đến 03/02/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Ông Thạch T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ, ông Thạch T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 136 ngày. Ông Thạch T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Thạch T tại địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Thạch T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông Thạch T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Do đó, Công ty Cổ Phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Thạch T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 - Công ty Cổ Phần S số STM230101001NA22X ngày 03/01/2023 số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm tính đến ngày 16/11/2023 bao gồm:

+ Gốc: 5.262.000 đồng

+ Lài: 348.000 đồng (1.1%/ tháng)

+ Phí: 1.940.000 đồng (3.5%/ tháng)

+ Phí theo dõi: 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4 tháng, số tiền : 1.200.000 đồng)

Trường hợp ông Thạch T không có khả năng trả nợ buộc ông Thạch T phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty S.

Ngoài ra, ông Thạch T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 03/01/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/8/2024 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Thạch T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S Có Ngay số tiền vốn, lãi gồm: Vốn: 5.262.000 đồng; Lãi tạm tính đến ngày 16/11/2023: 348.000 đồng (1.1%/ tháng). Đồng thời, yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng cầm cố mà hai bên đã ký kết cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đồng thời, xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là xin rút phần yêu cầu buộc ông Thạch T thanh toán các khoản gồm: Phí: 1.940.000 đồng (3.5%/ tháng); P theo dõi: 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4 tháng, số tiền : 1.200.000 đồng). Đồng thời, xin rút lại đối với yêu cầu "Trường hợp ông Thạch T không có khả năng trả nợ buộc ông Thạch T phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty S"

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 23/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Thạch T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S Có Ngay số tiền vốn, lãi gồm: Vốn: 5.262.000 đồng; Lãi trong hạn: 347.292 đồng (tính từ ngày 04/7/2023-03/01/2024); Lãi quá hạn: 755.360 đồng (Từ ngày 04/01/2024-25/09/2024). Tổng cộng vốn và lãi là 6.364.652 đồng.

Sau khi ông Thạch T thanh toán xong nợ cho Công ty S Có Ngay thì Công ty S đồng ý trả lại cho ông Thạch T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số 83 007176 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/4/2022 cho ông Thạch T đối với chiếc xe nhãn hiệu: Honda; Số loại: Wave Alpha ; Màu sơn: Xanh đen bạc; Số khung RLHJA3927NY110091; số máy JA39E2607023; biển số đăng ký 83G1-096.58.

Đối với bị đơn ông Thạch T: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông Thạch T vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S khởi kiện yêu cầu ông Thạch T phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã ký kết. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Thạch T cư trú tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Anh H.

[4] Bị đơn ông Thạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch T.

[5]. Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn ông Thạch T thanh toán cho Công ty S Có Ngay tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 6.364.652 đồng. Trong đó: Tiền vốn: 5.262.000 đồng; Lãi trong hạn: 347.292 đồng; Lãi quá hạn: 755.360 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Rút phần yêu cầu buộc ông Thạch T thanh toán các khoản gồm: Phí: 1.940.000 đồng (3.5%/ tháng); P theo dõi: 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4 tháng, số tiền: 1.200.000 đồng). Đồng thời, xin rút lại đối với yêu cầu "Trường hợp ông Thạch T không có khả năng trả nợ buộc ông Thạch T phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty S". Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút như đã nêu trên.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S Có Ngay yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Thạch T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S Có Ngay tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.364.652 đồng. Trong đó: Tiền vốn: 5.262.000 đồng; Lãi trong hạn: 347.292 đồng; Lãi quá hạn: 755.360 đồng thì thấy rằng: Vào ngày 03/01/2023 giữa Công ty TNHH S2 – Chi nhánh S1 và ông Thạch T có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số

STM230101001NA22X. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S Có Ngay đã giải ngân số tiền 9.900.000 đồng cho ông Thạch T. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thạch T đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, ông Thạch T đã biết việc Công ty S Có Ngay khởi kiện nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S Có Ngay.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông Thạch T có nhận của Công ty S Có Ngay số tiền là 9.900.000 đồng. Sau đó, từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/7/2023 bị đơn có thực hiện trả vốn và lãi, phí cho nguyên đơn theo thoả thuận được tổng số tiền là 7.633.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 04/7/2023 cho đến nay ông Thạch T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thoả thuận, hiện nay số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ của Công ty S Có Ngay là 5.262.000 đồng. Như vậy, ông Thạch T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Công ty S Có Ngay theo thoả thuận là đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Thạch T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.262.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy rằng: Căn cứ theo hợp đồng cầm cố tài sản số: STM230101001NA22X ngày 03/01/2023 thì mức lãi suất các bên thoả thuận gồm: Lãi trong hạn là 1,1%/tháng; lãi quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Như vậy, mức lãi suất theo thoả thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do ông Thạch T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận giữa các bên, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Thạch T có nghĩa vụ trả tiền lãi gồm: Lãi trong hạn: 347.292 đồng; Lãi quá hạn: 755.360 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S Có Ngay, buộc ông Thạch T có nghĩa vụ trả cho

nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 6.364.652 đồng. Trong đó: Tiền vốn: 5.262.000 đồng; Lãi trong hạn: 347.292 đồng; Lãi quá hạn: 755.360 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nguyên đơn Công ty S đồng ý trả lại cho ông Thạch T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số 83 007176 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/4/2022 cho ông Thạch T đối với chiếc xe nhãn hiệu: Honda; Số loại: Wave Alpha; Màu sơn: Xanh đen bạc; Số khung RLHJA3927NY110091; số máy JA39E2607023; biển số đăng ký 83G1-096.58 sau khi ông Thạch T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Thạch T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là (6.364.652 đồng x 05%) = 318.233 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

1.1. Buộc bị đơn ông Thạch T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 6.364.652 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng). Trong đó: Tiền vốn: 5.262.000 đồng (Năm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng); Lãi trong hạn: 347.292 đồng (Ba

trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi hai đồng); Lãi quá hạn: 755.360 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng)

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S về việc yêu cầu ông Thạch T thanh toán các khoản gồm: Phí: 1.940.000 đồng (3.5%/ tháng); P theo dõi: 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4 tháng, số tiền: 1.200.000 đồng) và yêu cầu "Trường hợp ông Thạch T không có khả năng trả nợ buộc ông Thạch T phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty S".

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nguyên đơn Công ty S đồng ý trả lại cho ông Thạch T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số 83 007176 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/4/2022 cho ông Thạch T đối với chiếc xe nhãn hiệu: Honda; Số loại: Wave Alpha ; Màu sơn: Xanh đen bạc; Số khung RLHJA3927NY110091; số máy JA39E2607023; biển số đăng ký 83G1-096.58 sau khi ông Thạch T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Thạch T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 318.233 đồng (Ba trăm mười tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005094 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

5. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam